

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/DS-PT.  
Ngày: 10-9-2020.  
V/v tranh chấp về quyền sử dụng  
đất và yêu cầu tháo dỡ tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**;

Ông **Võ Minh Diệp**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lê Hoàng Tiến** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:** Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2020 về “Tranh chấp về quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 58/2020/QĐXXPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Văn C**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 08 T, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Lâm Tấn Đ**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn T (nay là thôn TP), xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn Lê T**, sinh năm 1971.

- Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1971.

Người đại diện theo ủy quyền của bà **Võ Thị T**: Ông Nguyễn Lê T, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Thôn T (*nay là thôn TP*), xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.  
Ông T có mặt.

- Bà **Võ Thị T1**, sinh năm 1975.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị T1: Ông Lâm Tấn Đ, sinh năm 1974.*

Cùng địa chỉ: Thôn T (*nay là thôn TP*), xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.  
Ông Đ có mặt.

4. Người làm chứng: Ông **Nguyễn C1**, sinh năm 1924.

Địa chỉ: Thôn T (*nay là thôn TP*), xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Võ Văn C.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Văn C trình bày:*

Năm 2005, mẹ ông là bà Nguyễn Thị Q có nhận chuyển nhượng thửa đất số 690, tờ bản đồ số 11 từ hộ ông Nguyễn C1 tại thôn TP, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Năm 2015, bà Q để thừa kế lại cho ông thửa đất trên. Thửa đất có một phần tiếp giáp với đất của hộ ông Nguyễn Lê T, bà Võ Thị T nhưng do ông Lâm Tấn Đ sử dụng. Năm 2012, ông Đ xây dựng lại một phần nhà máy gạo và bồn trấu lấn sang phần đất của ông. Khi ông có ý định chuyển nhượng phần đất này cho người khác thì ông Đ cản trở, ông Đ cho rằng phần đất mặt tiền là của ông Đ đã xây dựng từ đất hoang, như vậy phần đất của ông không có lối vào. Theo hồ sơ tại bản đồ địa chính xã thì phần đất của ông tiếp giáp với hành lang giao thông là 23m. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu ông Đ phải tháo dỡ bồn trấu và một phần nhà máy xay xát để trả lại cho ông phần đất lấn chiếm có diện tích là 41,1m<sup>2</sup>.

*Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Lâm Tấn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T1 trình bày:*

Thửa đất ông, bà đang sử dụng tại thôn T (*nay là thôn TP*), xã Q, huyện Q là do mẹ bà Võ Thị T1 là bà Phạm Thị B cho vợ chồng ông, bà ở từ trước đến nay; ông, bà không xây dựng trên phần đất của ông Võ Văn C. Nhà máy gạo ông, bà xây dựng và sử dụng từ năm 1996; đến năm 2012, ông, bà xây nhà ở không liên quan gì đến nhà máy gạo. Ông C chỉ có quyền sử dụng phần đất mà ông C nhận thừa kế từ bà Nguyễn Thị Q, trước đó bà Q nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn C1. Thực tế, ông, bà không xây nhà máy gạo và bồn trấu lấn sang phần đất của C nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

*Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Lê T và bà Võ Thị T trình bày:*

Mảnh đất mà ông, bà đang ở do gia đình bà Phạm Thị B (*là mẹ ruột của bà Võ Thị T*) sử dụng từ trước năm 1975. Đến năm 1997, gia đình xây dựng nhà máy xay xát, có một phần nằm trên mảnh đất giáp với đất bỏ hoang của ông Nguyễn C1 và giao cho bà Võ Thị T1 quản lý. Đến năm 2000, gia đình bà Phạm Thị B thỏa thuận chuyển nhượng và sang tên mảnh đất lại cho ông, bà. Năm 2008, vợ chồng ông, bà cho vợ chồng em gái ruột là bà Võ Thị T1 và ông Lâm Tấn Đ diện tích đất có mặt tiền là 5m để làm nhà. Thời điểm ông, bà làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chỉ làm diện tích 385m<sup>2</sup> đất ở, còn lại nghĩ là đất vườn của cha, mẹ trước đây để lại nên không kê khai. Nay, ông Võ Văn C có tranh chấp, diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C bao nhiêu thì ông C lấy bấy nhiêu, còn phần đất của ông, bà đến đâu thì ông, bà chấp nhận đến đó.

*Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người làm chứng là ông Nguyễn C1 trình bày:*

Vào năm 2005, ông có bán cho bà Nguyễn Thị Q diện tích đất là 368m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 690, tờ bản đồ số 11 tại thôn T (*nay là thôn TP*), xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Ông bán diện tích đất nêu trên, tính theo đường ĐH bắt đầu từ mép móng nhà của ông Nguyễn Văn D (*mép đường vào xóm*) hiện tại đến tảng đá nay đã bị lấp, nhưng chưa đến bồn trấu của nhà ông Lâm Tấn Đ đang sử dụng. Ông chỉ bán cho bà Q đủ diện tích đất là 368m<sup>2</sup>, đất còn thừa lại là của ông nhưng ông không có tranh chấp. Con đường vào xóm giáp với đất của ông Võ Văn C từ trước đến nay vẫn vậy, không bị biên động gì.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam đã áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 179, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 245, Điều 688 và Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 221, Điều 234 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C.

Buộc ông Lâm Tấn Đ trả cho ông Võ Văn C diện tích đất 1,3m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 690, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: Thôn TP, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 575779 ngày 27/6/2005 của Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/3/2020, nguyên đơn ông Võ Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng

cứ làm rõ diện tích đất tranh chấp thuộc thửa nào, tờ bản đồ số mấy, do ai đăng ký kê khai và sử dụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa, đề nghị tạm ngừng phiên tòa để làm rõ diện tích đất tranh chấp thuộc thửa nào, tờ bản đồ số mấy, do ai đăng ký kê khai và sử dụng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy tại Công văn số 37/VPĐK ngày 03/3/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Q đã cung cấp rõ về nội dung này nên không cần thiết phải tạm ngừng phiên tòa.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Văn C thì thấy:

[2.1] Ngày 12/4/2005, ông Nguyễn C1 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Q diện tích đất 368m<sup>2</sup> tại thôn T (*nay là thôn TP*), xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Ngày 27/6/2005, hộ bà Q được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 575779 đối với thửa đất số 690, tờ bản đồ số 11, diện tích 368m<sup>2</sup>. Năm 2009, bà Q tách thửa đất số 690 ra thêm 03 thửa mới là các thửa số 1129, 1130 và 1131. Năm 2009, bà Q chuyển nhượng thửa đất số 1129, diện tích 126m<sup>2</sup> cho ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị T2; chuyển nhượng thửa đất số 1130, diện tích 90m<sup>2</sup> cho ông Nguyễn Thanh T3 và bà Trần Thị Hồng A; chuyển nhượng thửa đất số 1131, diện tích 90m<sup>2</sup> cho ông Lê Tấn D1. Những người này, sau khi nhận chuyển nhượng đều thực hiện thủ tục đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 03 thửa đất nêu trên.

[2.2] Ngày 03/12/2015, ông Võ Văn C nhận thừa kế quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Q đối với diện tích đất còn lại 62m<sup>2</sup> của thửa đất số 690 (*diện tích còn lại sau khi tách thêm 03 thửa đất số 1129, 1130 và 1131*), được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Q xác nhận tại mục VI “Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Như vậy, ông Võ Văn C có quyền sử dụng đối với diện tích đất 62m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 690, tờ bản đồ số 11. Ông Võ Văn C cho rằng, ông Lâm Tấn Đ đã xây dựng bồn trấu và nhà máy xay xát lẫn sang phần đất của ông, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/6/2018 và ngày 24/10/2019 xác định diện tích đất tranh chấp là 41,1m<sup>2</sup>.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 2005, bà Nguyễn Thị Q chỉ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 368m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 757m<sup>2</sup> thuộc thửa số 690 của ông Nguyễn C1 (*điều này cũng được ông Võ Văn C thừa nhận*). Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 690, tờ bản đồ số 11, diện tích 368m<sup>2</sup> vào năm 2005, đến năm 2009 bà Q thực hiện tách thửa đất số 690 thêm 03 thửa mới và chuyển nhượng các thửa đất

mới này cho người khác, với tổng diện tích 306m<sup>2</sup> nên diện tích còn lại của thửa đất số 690 là 62m<sup>2</sup>. Tại Trang bổ sung thửa đất ngày 20/8/2009, Trích đo địa chính kèm theo đơn xin tách thửa của bà Nguyễn Thị Q ngày 14/8/2014 và trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất số 1129, 1130 và 1131 đều thể hiện đường liên xóm giáp với đất ông Nguyễn Văn D đang sử dụng là từ 3m đến 3,5m. Đồng thời, tại Công văn số 11/CV-VPĐK ngày 04/3/2019 và Công văn số 37/VPĐK ngày 03/3/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Q thể hiện: Căn cứ biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngày 13/8/2009 của Ủy ban nhân dân xã Q, cạnh 2 giáp với đường ĐH của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 575779 là 17m. Trang bổ sung về sơ đồ thửa đất của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 575779 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Q cấp theo đề nghị chỉnh lý của bà Nguyễn Thị Q ngày 20/8/2009, theo đó thửa đất số 690 sau khi đã tách thửa còn lại 62m<sup>2</sup> không có phần đất nằm trong hành lang giao thông. Ông C có quyền sử dụng, nhưng không được chuyển nhượng, không được xây dựng, coi nới, trồng cây trên phần đất hành lang giao thông. Ngày 24/10/2019, Tòa án cấp sơ thẩm đã phối hợp với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Q và Ủy ban nhân dân xã Q tiến hành đo đạc, xác định vị trí diện tích đất theo Trang bổ sung về sơ đồ thửa đất của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 575779 ngày 20/8/2009 trên phần đất hiện trạng sử dụng. Theo kết quả trích đo địa chính thì trong diện tích đất tranh chấp có 1,3m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng của ông Võ Văn C, phần diện tích đất tranh chấp còn lại 39,8m<sup>2</sup> có bồn trấu và một phần nhà máy xay xát của ông Lâm Tấn Đ không nằm trong diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông Võ Văn C (*không nằm trong diện tích đất mà ông C được nhận thừa kế của bà Nguyễn Thị Q*). Do đó, không có cơ sở để buộc ông Lâm Tấn Đ phải tháo dỡ bồn trấu và một phần nhà máy xay xát nằm trên phần diện tích đất tranh chấp 39,8m<sup>2</sup> theo yêu cầu của nguyên đơn.

[2.4] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Võ Văn C chỉ có quyền sử dụng đối với phần diện tích đất 1,3m<sup>2</sup> nằm trong diện tích đất tranh chấp 41,1m<sup>2</sup> và xử buộc ông Lâm Tấn Đ phải trả lại cho ông Võ Văn C diện tích đất 1,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 690, tờ bản đồ số 11, tại thôn TP, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 575779 ngày 27/6/2005 của Ủy ban nhân dân huyện Q là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng ông Lâm Tấn Đ, bà Võ Thị T1 là người đang sử dụng diện tích đất này nên cần phải buộc vợ chồng ông Lâm Tấn Đ, bà Võ Thị T1 trả lại cho ông Võ Văn C. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất 39,8m<sup>2</sup> và yêu cầu tháo dỡ tài sản trên diện tích đất này nhưng lại không tuyên trong phần quyết định của bản án sơ thẩm là thiếu sót nên Hội đồng xét xử bổ sung nội dung này vào phần quyết định cho phù hợp.

[2.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Văn C không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Võ Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Văn C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, các Điều 35, 38, 39, 147, 148 và 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 166, 179 và khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 245, 688 và 689 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C đối với ông Lâm Tấn Đ về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Buộc ông Lâm Tấn Đ, bà Võ Thị T1 trả lại cho ông Võ Văn C diện tích đất 1,3m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 690, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: Thôn T (*nay là thôn TP*), xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 575779 ngày 27/6/2005 của Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam. (*Có trích đo địa chính kèm theo bản án sơ thẩm*).

Diện tích đất có tọa độ:

STT	X	Y
1	1731839.730	546069.310
2	1731837.890	546069.330
3	1731837.870	546067.930
1	1731839.730	546069.310

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C đối với ông Lâm Tấn Đ về việc tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất 39,8m<sup>2</sup> và yêu cầu tháo dỡ tài sản trên diện tích đất này.

3. Về chi phí tố tụng khác và án phí dân sự:

Ông Võ Văn C phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản là 1.843.000 (*Một triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản mà ông Võ Văn C đã nộp. Ông Lâm Tấn Đ phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản là 57.000 (*Năm mươi bảy nghìn*) đồng;

do ông Võ Văn C đã nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản nên ông Lâm Tấn Đ phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Võ Văn C số tiền 57.000 (*Năm mươi bảy nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Võ Văn C phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006637 ngày 28/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Ông Lâm Tấn Đ và bà Võ Thị T1 phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Văn C phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001507 ngày 17/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (*10/9/2020*).

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Quốc Bảo**